

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày

tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hà Nam: Số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam; số 49/2024/QĐ-UBND ngày 16/9/2024 về việc sửa đổi điểm đ, khoản 1, Điều 2; điểm a, khoản 2, Điều 3; điểm a, khoản 1, Điều 4, Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Seyang Corporation Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho cơ sở “Nhà máy sản xuất gia công hàng dệt may và quần áo của Seyang” tại Văn bản số 1612/VB-SEYANG ngày 16/12/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Seyang Corporation Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Lô số 54, CCN Nhật Tân, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Nhà máy sản xuất gia công hàng dệt may và quần áo của Seyang với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất gia công hàng dệt may và quần áo của Seyang.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại Lô số 54, CCN Nhật Tân, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0700635492, đăng ký lần đầu ngày 25/01/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 12/8/2022. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700635492.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công hàng dệt may và quần áo.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng diện tích của dự án theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là: 7.748 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

- Công suất: 7.000.000 sản phẩm/năm (Quần áo các loại (trừ trang phục làm từ da lông thú); quần áo bơi nam nữ, trẻ em và các sản phẩm may mặc khác như: khăn quàng).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Nhật Tân, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Seyang Corporation Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô

nhiệm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

(Từ ngày tháng 12 năm 2024 đến ngày tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Quản lý môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để b/c);
- UBND huyện Kim Bảng;
- UBND xã Nhật Tân;
- TTPT CCN huyện Kim Bảng;
- Công ty TNHH MTV Seyang Corporation Việt Nam (để th/h);
- TT TTDL&PTQĐ (đăng web);
- Lưu: VT, MT, HS.

GIÁM ĐỐC

Phạm Chí Thống

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT

ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của công nhân viên khu vực xưởng đóng gói thành phẩm.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của công nhân viên khu nhà kho và nhà ăn ca.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của công nhân viên khu vực xưởng may.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của công nhân viên khu vực phòng bảo vệ.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước thải chung của CCN Nhật Tân, sau đó dẫn ra kênh tiêu A3-2-6 tại xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tại góc bên phải phía Tây nhà máy, tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0) như sau: X(m) = 2280098; Y(m) = 593561.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 21 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, $k=1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		

7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom nước mưa.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh sau khi xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sau đó theo ống PVC D110 với tổng chiều dài đường ống thu gom là 220m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 21 m³/ngày đêm để xử lý đảm bảo yêu cầu theo QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K=1). Nước thải sau khi xử lý đảm bảo yêu cầu được đầu nối ra hệ thống thoát nước thải chung của CCN Nhật Tân, sau đó dẫn ra kênh tiêu A3-2-6 tại xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Xử lý sơ bộ (bể tự hoại) → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Cột lọc cát → Hệ thống thoát nước thải chung của CCN Nhật Tân, sau đó dẫn ra kênh tiêu A3-2-6 tại xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Công suất thiết kế: 21 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chlorine dạng viên, khối lượng 0,8kg/lần, 4 ngày/lần (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này)

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng.
- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố như: tắc vỡ đường ống, rò rỉ bể xử lý, hỏng bơm và các thiết bị xử lý.

- Có nhật ký vận hành của hệ thống để kịp thời phát hiện nguyên nhân khi xảy ra sự cố. Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải. Bố trí nhân viên vận hành hệ thống đảm bảo vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật...

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu

giữ, luân chuyển trong các bể của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp thời gian khắc phục sự cố kéo dài chủ dự án sẽ thuê đơn vị có năng lực đến thu gom nước thải mang đi xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trường hợp xả thải vào hệ thống thoát nước thải chung của CCN Nhật Tân, xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng nếu có sự cố bất thường, chủ cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, Trung tâm phát triển CCN huyện Kim Bảng.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT
ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy phát điện.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải: bơm nước thải, máy thổi khí.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^0 , múi chiều 3^0)

- Nguồn số 01: Tại khu vực máy phát điện. Tọa độ: X(m) = 2280094; Y(m) = 593562.
- Nguồn số 02: Tại khu vực hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ: X(m) = 2280095; Y(m) = 593568;
- Nguồn số 03: Tại khu vực đặt máy nén khí. Tọa độ: X(m) = 2280090; Y(m) = 593563.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại cơ sở.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT

ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	5
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	43
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	5
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính thành phần nguy hại	18 01 02	10
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 03	10
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	15
7	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	5
	Tổng cộng		93

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

- Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải: Khối lượng phát sinh khoảng 14,2 kg/ngày tương ứng khoảng 4,26 tấn/năm.

- Giấy bìa carton, vải vụn, dây buộc, sản phẩm lỗi hỏng phát sinh khoảng: 135 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở khoảng 13,5 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Tại kho chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu giữ:

+ Diện tích: khoảng 05 m² đảm bảo đúng quy cách.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho có tường bao, mái che, nền láng xi măng, có cửa ra vào. Trong kho bố trí 07 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 60 lít để chứa riêng từng loại chất thải nguy hại, các thùng chứa CTNH đều được dán mã và nhãn cảnh báo từng loại CTNH tương ứng. Ngoài cửa kho có tiêu lệnh PCCC, biển hiệu cảnh báo CTNH, trong kho bố trí bình phòng cháy chữa cháy.

2.2. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khu vực lưu giữ:

+ Diện tích khoảng 25 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao, mái che; mặt sàn bảo đảm kín, không rạn nứt, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ.

2.3. Thiết bị, hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: 03 thùng rác dung tích 60 lít đặt tại các điểm phát sinh chất thải nhà ăn ca, văn phòng...

- Khu vực lưu chứa:

+ Diện tích khu vực lưu chứa: 6 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Khu vực tập kết được trang bị 3 xe đẩy rác. Các xe chứa rác có thể tích là 0,6 m³.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT

ngày tháng 12 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này được sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp phép. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn./.